

VietCredit ✓	TỜ TRÌNH	KMH: 258/2019/VietCredit- TT
	Về việc: ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát	Ngày BH: 12/14/2019

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt

- Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010 của Quốc hội, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 và Luật số 17/2017/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.
- Căn cứ Điều lệ Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt;

Quy chế tổ chức, hoạt động Ban Kiểm soát hiện tại của Công ty được xây dựng từ năm 2008 nên một số nội dung không phù hợp với quy định pháp luật hiện hành là: Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010 của Quốc hội, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 và Luật số 17/2017/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.

Ban Kiểm soát đã rà soát và chỉnh sửa bổ sung Quy chế tổ chức, hoạt động Ban Kiểm soát theo đúng quy định pháp luật hiện hành và được sự đồng ý của tất cả thành viên Ban kiểm soát theo Phiếu tổng hợp ý kiến về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động Ban kiểm soát.

Trưởng Ban Kiểm soát trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt (VietCredit) phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động Ban Kiểm soát (theo Dự thảo đính kèm) và ủy quyền cho Trưởng Ban kiểm soát ký ban hành Quy chế này.

Trân trọng kính trình!

Nơi nhận:

- Như kính trình;
- Lưu: VT, BKS, TK HĐQT



Trần Việt Phương



VietCredit ✓

QUY CHẾ

**TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
Ban kiểm soát**

KMH:
Ngày BH: .../.../...
Ngày HL: .../.../...
Lần BH: 00
Lần HC: 00/00

**QUY CHẾ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
BAN KIỂM SOÁT**

MỤC LỤC

I.	TRANG KIỂM SOÁT	4
II.	TÌNH TRẠNG PHÊ DUYỆT, SỬA ĐỔI.....	4
III.	MỤC ĐÍCH	4
IV.	PHẠM VI ÁP DỤNG.....	4
V.	TÀI LIỆU LIÊN QUAN.....	4
VI.	ĐỊNH NGHĨA, THUẬT NGỮ	5
VII.	NỘI DUNG	5
A.	Vị trí, vai trò, chức năng và cơ cấu tổ chức của Ban kiểm soát.....	5
1.	Vị trí, vai trò, chức năng Ban kiểm soát.....	5
2.	Thành phần Ban kiểm soát.....	5
3.	Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát.....	5
4.	Bầu thành viên Ban kiểm soát.....	5
5.	Tiêu chuẩn, điều kiện thành viên Ban kiểm soát.....	7
6.	Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ thành viên Ban kiểm soát ...	7
7.	Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ.....	8
8.	Các trường hợp đương nhiên mất tư cách thành viên Ban kiểm soát	8
9.	Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	9
10.	Thay thế thành viên Ban kiểm soát.....	9
B.	Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát.....	10
1.	Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát.....	10
2.	Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát.....	11
3.	Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát	11
4.	Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát.....	11
5.	Thù lao và lợi ích của thành viên Ban kiểm soát.....	12
C.	Quy định về hoạt động của Ban kiểm soát.....	12
1.	Các cuộc họp của Ban kiểm soát	12
2.	Địa điểm họp, hình thức họp.....	13
3.	Thông báo và chương trình họp.....	13

4.	Điều kiện tiến hành cuộc họp Ban kiểm soát.....	13
5.	Biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát.....	13
6.	Quyết định Ban kiểm soát.....	14
7.	Biên bản họp Ban kiểm soát.....	15
8.	Cơ chế phối hợp của Ban kiểm soát với bộ phận kiểm toán nội bộ	15
VIII.	PHỤ LỤC.....	15

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động Ban kiểm soát

I. TRANG KIỂM SOÁT

Đơn vị	Họ tên	Chức vụ	Chữ ký
Đơn vị soạn thảo, kiểm tra nội dung và nghịệp vụ	Nguyễn Thị Việt Hằng	Phụ trách Phòng Kiểm toán nội bộ	
Phê duyệt	Trần Việt Phương	Trưởng Ban kiểm soát	

II. TÌNH TRẠNG PHÊ DUYỆT, SỬA ĐỔI

Lần sửa	Trang sửa	Nội dung sửa đổi	Ngày hiệu lực	Xem xét	Phê duyệt	Lý do soát xét thay đổi
		Thay thế Quy chế về tổ chức và hoạt động Ban kiểm soát	.../.../2008	Nguyễn Thị Việt Hằng	Trần Việt Phương	Thay thế văn bản cũ để phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành.

III. MỤC ĐÍCH

Quy chế Tổ chức và hoạt động Ban kiểm soát ban hành nhằm quy định vị trí, vai trò, chức năng nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của Ban kiểm soát và các nguyên tắc, quy định hoạt động của Ban kiểm soát.

IV. PHẠM VI ÁP DỤNG

Quy chế Tổ chức và hoạt động Ban kiểm soát được áp dụng thống nhất cho Ban kiểm soát của Công ty tài chính cổ phần Tín Việt và có hiệu lực kể từ ngày ký.

V. TÀI LIỆU LIÊN QUAN

- Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010 của Quốc hội, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 và Luật số 17/2017/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.
- Luật doanh nghiệp số 68/2018/QH13 ngày 26/11/2014, có hiệu lực từ 01/07/2015 và các văn bản hướng dẫn.
- Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 của Chính Phủ, có hiệu lực kể từ ngày 01/08/2017 Hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng.
- Điều lệ Công ty tài chính cổ phần Tín Việt ban hành theo từng thời kỳ.

VI. ĐỊNH NGHĨA, THUẬT NGỮ

1. **Công ty:** Công ty tài chính cổ phần Tín Việt.
2. **Điều lệ:** Điều lệ Công ty tài chính cổ phần Tín Việt ban hành theo từng thời kỳ.
3. **Đơn vị:** là các Phòng, Trung tâm và Chi nhánh/Phòng giao dịch/văn phòng đại diện/đơn vị sự nghiệp trực thuộc Công ty.
4. **Luật các Tổ chức tín dụng:** Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010 của Quốc hội, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 và Luật số 17/2017/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2018.
5. **Luật doanh nghiệp:** Luật doanh nghiệp số 68/2018/QH13 ngày 26/11/2014 có hiệu lực từ 01/07/2015.
6. **Người có liên quan, người quản lý, người điều hành, cổ đông, cổ đông sáng lập, cổ đông lớn:** theo quy định tại Điều lệ Công ty.

VII. NỘI DUNG**A. Vị trí, vai trò, chức năng và cơ cấu tổ chức của Ban kiểm soát****1. Vị trí, vai trò, chức năng Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật và Quy chế này; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2. Thành phần Ban kiểm soát

- 2.1. Ban kiểm soát của Công ty có từ 03 đến 05 thành viên, số lượng cụ thể do Đại hội đồng cổ đông biểu quyết, trong đó phải có ít nhất một phần hai tổng số thành viên là thành viên chuyên trách, không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại Tổ chức tín dụng hoặc doanh nghiệp khác.
- 2.2. Ban kiểm soát có bộ phận kiểm toán nội bộ, được sử dụng các nguồn lực của Công ty, được thuê chuyên gia và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ của mình.

3. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát

- 3.1. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.
- 3.2. Trường hợp số thành viên Ban kiểm soát không đủ hai phần ba tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ thì trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên, Công ty phải bổ sung đủ số lượng thành viên Ban kiểm soát.

4. Bầu thành viên Ban kiểm soát

- 4.1. Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ Công ty. Trong Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài

chính kế toán. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty. Ban kiểm soát bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban kiểm soát. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.

- 4.2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.
- 4.3. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Ban kiểm soát được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ học vấn;
 - c. Trình độ chuyên môn;
 - d. Quá trình công tác;
 - e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Ban kiểm soát và các chức danh quản lý khác;
 - f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Ban kiểm soát của Công ty;
 - g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
 - h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
 - i. Các thông tin khác (nếu có).
- 4.4. Trường hợp số lượng ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định Công ty trong từng thời kỳ. Thủ tục Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.
- 4.5. Danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Ban kiểm soát Công ty phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi bầu, bổ

nhiệm các chức danh này. Những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải thuộc danh sách đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

5. Tiêu chuẩn, điều kiện thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

- 5.1. Không thuộc đối tượng quy định tại Mục VII.A.6 của Quy chế này;
- 5.2. Có đạo đức nghề nghiệp;
- 5.3. Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán hoặc kiểm toán;
- 5.4. Không phải là người có liên quan của người quản lý Công ty;
- 5.5. Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

6. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ thành viên Ban kiểm soát

Những người sau đây không được là thành viên Ban kiểm soát Công ty:

- 6.1. Người chưa thành niên, người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- 6.2. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án;
- 6.3. Người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;
- 6.4. Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xoá án tích;
- 6.5. Cán bộ, công chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm từ 50% vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại Công ty;
- 6.6. Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại Công ty;
- 6.7. Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;
- 6.8. Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng giám đốc, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp, Chủ nhiệm và các thành viên Ban quản trị hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản vì lý do bất khả kháng;
- 6.9. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tại thời điểm doanh nghiệp bị đình chỉ hoạt động, bị buộc giải thể do vi phạm pháp luật nghiêm trọng, trừ trường hợp là đại diện theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm chấn chỉnh, củng cố doanh nghiệp đó;
- 6.10. Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của tổ chức tín dụng theo quy

định tại Điều 37 của Luật các tổ chức tín dụng hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi Giấy phép;

- 6.11. Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc không được là thành viên Ban kiểm soát của Công ty;
- 6.12. Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

7. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ

- 7.1. Trưởng Ban kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban kiểm soát, người quản lý của tổ chức tín dụng khác. Thành viên Ban kiểm soát không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:
 - a. Thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành, nhân viên của Công ty hoặc công ty con của Công ty hoặc nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc của Công ty là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành hoặc là cổ đông lớn của doanh nghiệp đó;
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành của doanh nghiệp mà thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp đó đang là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành tại Công ty.
- 7.2. Bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc không được là thành viên Ban kiểm soát của Công ty.

8. Các trường hợp đương nhiên mất tư cách thành viên Ban kiểm soát

- 8.1. Các trường hợp đương nhiên mất tư cách thành viên Ban kiểm soát:
 - a. Mất năng lực hành vi dân sự, chết;
 - b. Vi phạm quy định tại Mục VII.A.5 Quy chế này về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ;
 - c. Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông khi tổ chức đó bị chấm dứt tư cách pháp nhân;
 - d. Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;
 - e. Khi bị toà án trực xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - f. Công ty bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động.
 - g. Chức danh đã được thống đốc Ngân hàng Nhà nước chuẩn y của thành viên Ban kiểm soát đương nhiên hết hiệu lực.
- 8.2. Trường hợp bị đương nhiên mất tư cách thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Mục VII.A.8.1 Quy chế này, Hội đồng quản trị Công ty phải có ngay văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh cụ thể gửi lên Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố nơi Công ty đóng trụ sở chính trong thời hạn 05 (năm) ngày và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này trước pháp luật, đồng thời xử lý theo quy định tại Điều lệ này.

- 8.3. Sau khi đương nhiên mất tư cách, thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.
- 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**
- 9.1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát với số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp chấp thuận.
- 9.2. Trưởng ban và các thành viên Ban kiểm soát Công ty bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi thuộc một trong những trường hợp sau:
- Năng lực hành vi dân sự bị hạn chế;
 - Có đơn từ chức với lý do hợp lý;
 - Không tham gia hoạt động của Ban kiểm soát trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại VII.A.5 của Quy chế này;
 - Vi phạm quy định của pháp luật, quy định của Ngân hàng Nhà nước và Điều lệ Công ty về mua, bán và chuyển nhượng cổ phần;
 - Vi phạm quy định của pháp luật, quy định của Ngân hàng Nhà nước và Điều lệ Công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
- 9.3. Trưởng ban và các thành viên Ban kiểm soát Công ty bị miễn nhiệm, bãi nhiệm phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian đảm nhiệm chức danh đó.
- 9.4. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với Trưởng ban và các thành viên Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị của Công ty phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước.
- 10. Thay thế thành viên Ban kiểm soát**
- 10.1. Thành viên Ban kiểm soát sẽ đương nhiên mất tư cách hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm chức danh theo quy định tại Mục VII.A.8 và VII.A.9 của Quy chế này. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin thay đổi và chuẩn y việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng ban và các thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định của Ngân hàng nhà nước.
- 10.2. Trong thời hạn không quá mười lăm (15) ngày kể từ ngày Trưởng Ban kiểm soát bị đương nhiên mất tư cách thành viên Ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tổ chức cuộc họp Ban kiểm soát để bầu một thành viên Ban kiểm soát (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định pháp luật) làm Trưởng Ban kiểm soát.
- 10.3. Trưởng Ban kiểm soát muốn từ chức phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày nhận đơn, Ban kiểm soát phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu Trưởng Ban kiểm soát theo quy định hiện hành.
- 10.4. Thành viên Ban kiểm soát muốn từ chức phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát để trình Đại hội đồng cổ đông gần nhất quyết định.

- 10.5. Trong trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên Ban kiểm soát mới để thay thế cho thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.
- B. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát**
- 1. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát**
- 1.1. Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty trong việc quản trị, điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
- 1.2. Ban hành quy định nội bộ của Ban kiểm soát; định kỳ hàng năm xem xét lại quy định nội bộ của Ban kiểm soát, các chính sách quan trọng về kế toán và báo cáo.
- 1.3. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc Phòng kiểm toán nội bộ.
- 1.4. Thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ; có quyền sử dụng tư vấn độc lập và quyền được tiếp cận, cung cấp đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành Công ty để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
- 1.5. Thẩm định báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm và hàng năm của Công ty; báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ can trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
- 1.6. Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 29 Điều lệ Công ty. Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu.
- 1.7. Kịp thời thông báo cho Hội đồng quản trị khi phát hiện người quản lý Công ty có hành vi vi phạm; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả, nếu có.
- 1.8. Lập danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông lớn và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Công ty; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này.
- 1.9. Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Điều lệ của Công ty.
- 1.10. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật các Tổ chức tín dụng hoặc vượt quá thẩm quyền được giao và trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ của Công ty.
- 1.11. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ của Công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát

- 2.1. Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát quy định tại Mục B.1 của Quy chế này.
- 2.2. Chuẩn bị chương trình họp của Ban kiểm soát trên cơ sở ý kiến đề xuất của thành viên Ban kiểm soát liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban kiểm soát.
- 2.3. Thay mặt Ban kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát.
- 2.4. Thay mặt Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường quy định tại Mục B.1 của Quy chế này hoặc đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường.
- 2.5. Tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị, phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.
- 2.6. Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị nếu ý kiến của mình khác với Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.
- 2.7. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban kiểm soát.
- 2.8. Bảo đảm các thành viên Ban kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban kiểm soát phải xem xét.
- 2.9. Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát.
- 2.10. Ủy quyền cho một thành viên khác của Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt.
- 2.11. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ của Công ty.

3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát

- 3.1. Tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty và quy định nội bộ của Ban kiểm soát một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty và của cổ đông.
- 3.2. Bầu một thành viên Ban kiểm soát làm Trưởng Ban kiểm soát.
- 3.3. Yêu cầu Trưởng Ban kiểm soát triệu tập Ban kiểm soát họp bất thường.
- 3.4. Kiểm soát hoạt động kinh doanh, kiểm soát sổ sách kế toán, tài sản, báo cáo tài chính và kiến nghị biện pháp khắc phục.
- 3.5. Được quyền yêu cầu cán bộ, nhân viên của Công ty cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công.
- 3.6. Báo cáo Trưởng Ban kiểm soát về hoạt động tài chính bất thường và chịu trách nhiệm về đánh giá và kết luận của mình.
- 3.7. Tham dự cuộc họp của Ban kiểm soát, thảo luận và biểu quyết về vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó.
- 3.8. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ của Công ty.

4. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

- 4.1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

- 4.2. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
- 4.3. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của Công ty làm việc.
- 4.4. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

5. Thù lao và lợi ích của thành viên Ban kiểm soát

- 5.1. Trưởng Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Ban kiểm soát và mức thù lao mỗi ngày.
- 5.2. Trưởng Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
- 5.3. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

C. Quy định về hoạt động của Ban kiểm soát

1. Các cuộc họp của Ban kiểm soát

- 1.1. Ban kiểm soát họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất.
- 1.2. Cuộc họp bất thường của Ban kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của:
 - a. Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - b. Ít nhất hai phần ba số thành viên Hội đồng quản trị;
 - c. Trưởng Ban kiểm soát;
 - d. Ít nhất hai phần ba số thành viên Ban kiểm soát trở lên;
 - e. Tổng Giám đốc;
 - f. Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố nơi Công ty đóng trụ sở chính;Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát.
- 1.3. Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Ban Kiểm bất thường trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp sau hai lần đề nghị kế tiếp nếu Trưởng Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát

phải có ngay văn bản báo cáo Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố nơi Công ty đóng trụ sở chính và tiến hành họp Ban kiểm soát để xử lý công việc, đồng thời quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Trưởng ban, bầu một thành viên Ban kiểm soát bảo đảm các điều kiện giữ chức danh Trưởng ban, trình Ngân hàng Nhà nước chuẩn y theo đúng quy định hiện hành, hoặc quyết định việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường để xử lý những tồn tại, vướng mắc chưa thể giải quyết.

2. Địa điểm họp, hình thức họp

- 2.1. Địa điểm họp: Các cuộc họp Ban kiểm soát sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty.
- 2.2. Hình thức họp: họp tập trung hoặc họp trực tuyến.

3. Thông báo và chương trình họp

- 3.1. Cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành sau năm (05) ngày kể từ ngày gửi thông báo cho các thành viên Ban kiểm soát. Thông báo về cuộc họp Ban kiểm soát được làm bằng tiếng Việt, trong đó nêu rõ về: chương trình họp, thời gian, địa điểm và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát và cả các phiếu bầu cho những thành viên Ban kiểm soát không thể dự họp. Những thành viên Ban kiểm soát này sẽ gửi phiếu bầu cho Ban kiểm soát trước khi họp.
- 3.2. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Ban kiểm soát được đăng ký tại Công ty.

4. Điều kiện tiến hành cuộc họp Ban kiểm soát

Cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành khi có từ hai phần ba số thành viên Ban kiểm soát trở lên trực tiếp tham dự hoặc qua người thay thế là một trong các thành viên Ban kiểm soát được uỷ quyền. Trường hợp triệu tập họp Ban kiểm soát định kỳ lần đầu nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Trưởng Ban kiểm soát phải thông báo cho Hội đồng quản trị biết và đề nghị triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn không quá ba mươi (30) ngày tiếp theo để cổ đông xem xét tư cách của các thành viên Ban kiểm soát. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện công ty kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên Ban kiểm soát quan tâm.

5. Biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát

- 5.1. Mỗi thành viên tham dự cuộc họp Ban kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát. Nếu thành viên Ban kiểm soát không thể tham dự cuộc họp thì có thể uỷ quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên Ban kiểm soát khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết thay;
- 5.2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Ban kiểm soát quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không

được nhận uỷ quyền của thành viên Ban kiểm soát khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó;

- 5.3. Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại một cuộc họp liên quan đến quyền lợi của thành viên Ban kiểm soát hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên Ban kiểm soát và những nghi ngờ đó không được thành viên Ban kiểm soát đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới Chủ tọa của cuộc họp. Phán quyết của Chủ tọa sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên Ban kiểm soát có liên quan đó chưa được biết rõ;
- 5.4. Bất kỳ thành viên Ban kiểm soát nào có liên quan đến một hợp đồng được nêu tại khoản 10 Điều 63 và điểm q Khoản 2 Điều 59 Luật các Tổ chức tín dụng và/hoặc một hợp đồng được ký với doanh nghiệp được nêu tại khoản 2 Điều 159 Luật Doanh nghiệp sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng đó.
- 5.5. Thành viên Ban kiểm soát nếu theo sự hiểu biết của mình thấy có liên quan dù là trực tiếp hay gián tiếp tới một hợp đồng, một thoả thuận hay một hợp đồng dự kiến hoặc một thoả thuận dự kiến giao kết với Công ty phải khai báo bản chất quyền lợi liên quan tại cuộc họp Hội đồng quản trị và cuộc họp Ban kiểm soát, tại đây Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát sẽ xem xét việc có giao kết các hợp đồng hoặc thoả thuận đó không, nếu như sau này mới biết về sự tồn tại quyền lợi đó của mình hay trong bất cứ trường hợp nào khác, thành viên đó phải thông báo ngay tại cuộc họp gần nhất của Hội đồng quản trị và cuộc họp gần nhất của Ban kiểm soát sau khi thành viên đó biết được đã có quyền lợi liên quan. Đối với các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì phải trình lên Đại hội đồng cổ đông quyết định.

6. Quyết định Ban kiểm soát

- 6.1. Ban kiểm soát thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
- 6.2. Quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp
Quyết định của Ban kiểm soát được thông qua nếu được đa số thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát được Trưởng Ban kiểm soát uỷ quyền chủ tọa cuộc họp (trường hợp Trưởng Ban kiểm soát vắng mặt).
- 6.3. Lấy ý kiến bằng văn bản
Trường hợp Ban kiểm soát lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên Ban kiểm soát tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu:
 - a. Được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến;

- b. Số lượng thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp Ban kiểm soát.

7. Biên bản họp Ban kiểm soát

Cuộc họp Ban kiểm soát phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập bằng tiếng Việt và phải được tất cả các thành viên Ban kiểm soát tham dự cuộc họp ký tên và phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản. Chủ tọa cuộc họp có trách nhiệm bố trí lập và gửi biên bản cuộc họp Ban kiểm soát cho các thành viên Ban kiểm soát và biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại các cuộc họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của biên bản đó trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi biên bản.

8. Cơ chế phối hợp của Ban kiểm soát với bộ phận kiểm toán nội bộ

Ban kiểm soát của Công ty thực hiện giám sát đối với kiểm toán nội bộ bao gồm:

- 8.1. Giám sát, đánh giá việc thực hiện chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của thành viên Ban kiểm soát, kiểm toán viên nội bộ;
- 8.2. Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ trong việc:
- Thực hiện kiểm toán nội bộ;
 - Rà soát, đánh giá tính hiệu quả của kiểm toán nội bộ và kết quả thực hiện nhiệm vụ của Trưởng kiểm toán nội bộ;
 - Xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế của kiểm toán nội bộ theo yêu cầu, kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác;

VIII. PHỤ LỤC

Không có.

